

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO NHIỆM VỤ
TRONG TIỀN TRÌNH GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ-
CÔNG ĐOẠN XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

APPLICATION OF TASK-BASED METHOD IN PROCESS OF TEACHING

ĐÀO THỊ THANH PHƯỢNG**(Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)**

Abstract: The article refers to a new approach to the modern pedagogic – task based methodology. This approach, learner-centered through the implementation of the complex task of bringing openness, encouraging learners to plan, implementing and evaluating task results in each group. The structure of this paper consists of two parts: the first part including a lesson designed to teach a reading comprehension sample, a task-based approach through examples of advert texts with three key issues: steps of teaching reading, teaching contents and conditions of work done. The second one is concerned with the results of an investigation into the teacher and students to assess the feasibility and effectiveness of the stages, steps, procedures, operations, exercises and classroom activities of the above approach in the practical conditions of foreign language teaching.

Key words: method; task-based; activity; reading; pedagogic implication.

1. Đặt vấn đề

Hội nghị lần thứ hai BCHTW Đảng cộng sản Việt Nam khóa VIII đã nêu rõ “*Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục-đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và hiện đại vào quá trình dạy học*”. Phương pháp dạy học hiện nay không thể tiếp tục truyền thụ từ việc áp đặt một chiều từ người dạy mà phải sử dụng phương pháp dạy tích cực, phát huy tính tích cực của sinh viên. Đó là đổi mới phương pháp dạy học còn được gọi là “*Dạy lấy người học làm trung tâm*”. Giảng viên là yếu tố quyết định hàng đầu trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, cần phải xác định được những gì cần đổi mới, đó là phải xác định rõ mục tiêu giáo dục được đổi mới, nội dung giáo dục đổi mới, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức và phương thức đánh giá phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

Phương pháp hiện đại đang được sử dụng rộng rãi hiện nay ở các trường đại học là phương pháp dạy học dựa vào nhiệm vụ. Phương pháp này

nhằm hướng dẫn người học chủ động thực hiện các nhiệm vụ được yêu cầu: nhiệm vụ ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Giảng viên đóng vai trò là người đặt vấn đề, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ, và đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ.

Để tiến trình giảng dạy ngoại ngữ đạt hiệu quả cao, giáo viên cần hiểu rõ yêu cầu chương trình, cấu trúc nội dung kiến thức, điều kiện vật chất, thời gian, trình độ của lớp học. Đó chính là những cơ sở để giáo viên xây dựng được các hoạt động giảng dạy phù hợp. Bài báo không trình bày phương pháp dạy học theo nhiệm vụ trong tất cả tiến trình dạy học mà chỉ dừng lại ở một công đoạn nhỏ là công đoạn xây dựng các hoạt động. Thí dụ điển hình được sử dụng trong bài viết là xây dựng hoạt động đọc hiểu theo phương pháp dạy học theo nhiệm vụ.

2. Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ trong giảng dạy ngoại ngữ**2.1. Khái niệm ‘nhiệm vụ’ và các đặc điểm**

Có thể nói rằng ‘nhiệm vụ’ là từ khóa trong phương pháp dạy học dựa trên việc giao nhiệm vụ vì vậy cần phải định nghĩa và hiểu rõ bản chất của

khái niệm này trước khi thực hiện giảng dạy theo phương pháp này. Sinh viên được giảng dạy theo nhiệm vụ cần phải thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao để có thể sử dụng lại trong một môi trường ngoại ngữ nào đó.

Nhiệm vụ được giao có thể là nhiệm vụ ngôn ngữ hoặc nhiệm vụ phi ngôn ngữ, để hoàn thành nhiệm vụ này đôi khi người học cần phải huy động tất cả các kiến thức, kĩ năng, kĩ năng sống mình đã tích lũy được trước và trong quá trình lĩnh hội ngôn ngữ. Dựa trên những quan sát thực tế tại lớp học, Chaudron và Valcarel đã chia 3 loại nhiệm vụ: nhiệm vụ được giáo viên kiểm soát, nhiệm vụ được kiểm tra một phần và nhiệm vụ tự do. Theo ý kiến của Vigner [12], để thực hiện một nhiệm vụ cần phải: có động cơ, phức hợp, đa dạng, hướng đến hành động, phương thức tương tác, cởi mở, độc đáo.

Khái niệm “nhiệm vụ” theo CECR [1] là “tất cả những hoạt động mà người học phải thể hiện để đạt được một kết quả nào đó tùy theo một vấn đề cần được giải quyết, một sứ mệnh cần phải hoàn thành, một mục tiêu cố định đã đặt ra”. Theo quan điểm của Piotrowski.S “*Nhiệm vụ là một kế hoạch làm việc đòi hỏi người học phải xử lý ngôn ngữ theo cách thức ngữ dụng trong mục đích đạt được kết quả nào đó mà kết quả này được đánh giá đúng hay phù hợp*” [6]. Đặc trưng của nhiệm vụ rất đa dạng: có thể đơn giản là đặt một bữa ăn ở nhà hàng hoặc có thể phức tạp hơn (chia ra thành nhiều nhiệm vụ đơn giản), có thể bằng ngôn từ hoặc không lời (bằng hành động cụ thể), có thể thực hiện cá nhân (viết thiệp chúc Tết cho bạn bè) hoặc thực hiện tập thể (chơi một ván cờ với bạn bè), có thể tạo ra một sản phẩm cụ thể (viết blog bằng tiếng Pháp) hoặc chỉ đơn giản là trao đổi ngôn từ (tranh luận về một vấn đề gì đó).

Cần phân biệt hai khái niệm ‘nhiệm vụ’ và ‘bài tập’. Theo Vigner khái niệm ‘bài tập’ được định nghĩa là “*tất cả các hoạt động ngôn ngữ theo dạng nhiệm vụ bắt buộc hoặc gợi ý cho học sinh. Nhiệm vụ này nằm trong chương trình hoạt động sư phạm được soạn thảo nhằm đạt đến một mục tiêu đào tạo cụ thể*” [11]. Có thể hiểu bài tập dựa trên việc thực hiện các hình thức ngữ pháp hoặc ngữ âm không nằm trong ngữ cảnh. Trong khi đó, nhiệm vụ phức tạp hơn, ít khép kín và không

được dẫn dắt hoặc gợi ý, gồm có đề bài yêu cầu và sinh viên phải tìm cách giải quyết vấn đề. Nhiệm vụ thường nằm trong hoàn cảnh nào đó và kiến thức ngôn ngữ và phi ngôn ngữ đều được sử dụng để giải quyết vấn đề.

2.2. Phân loại nhiệm vụ

Việc phân loại các khái niệm dưới đây của khung tham chiếu châu Âu về nhiệm vụ mô phỏng theo thực tế và các nhiệm vụ dựa vào giao tiếp tại lớp như sau [2]: 1) “*Nhiệm vụ mục tiêu, lặp đi lặp lại hoặc gắn với cuộc sống thực tế tùy thuộc vào nhu cầu của người học*”; 2) “*Nhiệm vụ giao tiếp sư phạm dựa trên tính chất xã hội, tương tác và nhanh chóng trong hoàn cảnh lớp học, học sinh tham gia tự nguyện các hoạt động trên*”; 3) “*Nhiệm vụ trước buổi học gồm các bài tập dựa trên từng thao tác nhỏ*”.

- Nhiệm vụ mục tiêu - nhiệm vụ sư phạm: Theo khung tham chiếu châu Âu [1], nhiệm vụ được phân loại theo cuộc sống thật. Nhiệm vụ mục tiêu thường sát với cuộc sống thật và được chọn bởi nhu cầu của người học ngoài lớp học. Ngược lại, nhiệm vụ sư phạm thường xa với cuộc sống thực tế, được tạo ra để phát triển các kĩ năng giao tiếp.

- Nhiệm vụ đóng - nhiệm vụ mở: Theo Elisabeth Cohen [8], nhiệm vụ đóng chỉ có một đáp án duy nhất và kết quả thường được dự đoán trước. Nhiệm vụ mở có nhiều đáp án khác nhau, để thực hiện phải qua nhiều bước. Phân biệt nhiệm vụ đóng và mở cần phải dựa vào những mục tiêu học tập khác nhau.

- Nhiệm vụ đơn - nhiệm vụ phức - nhiệm vụ theo kịch bản: Elke Nissen [6] phân ra 3 loại nhiệm vụ, nhiệm vụ đơn thường đơn giản và thường xuyên, gồm nhiều bước được yêu cầu bởi giáo viên. Nhiệm vụ phức là một kế hoạch gồm nhiều nhiệm vụ đơn, từ khâu chuẩn bị, triển khai, thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ. Nhiệm vụ theo kịch bản bao hàm nhiều nhiệm vụ, giáo viên giới thiệu cho người học toàn bộ kịch bản sư phạm: mục tiêu, yêu cầu, kết quả mong đợi, tiêu chí đánh giá, thời gian thực hiện...

- Đóng vai: người giao nhiệm vụ đặt người học vào trung tâm giao tiếp, hai hoặc nhiều sinh viên cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ và mỗi người đóng vai riêng.

- Mô phỏng: nhiệm vụ này bao gồm nhiều kỹ năng ngôn ngữ, giáo viên đóng vai trò tư vấn, đưa ra hướng đi cho quá trình mô phỏng [8].

3. Xây dựng các loại hoạt động đọc hiểu theo phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ

Trong phạm vi nghiên cứu này, xét thấy quảng cáo là một trong những tài liệu thực thường được sử dụng trong giảng dạy ngoại ngữ bởi nhiều lý do, một trong những lý do chính nhờ quảng cáo có những đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa đặc sắc kết hợp giữa hình ảnh và ngôn từ, chúng tôi đã chọn quảng cáo như tài liệu thực mẫu điển hình để tiến hành xây dựng các loại hoạt động giảng dạy đọc hiểu theo phương pháp dựa trên nhiệm vụ.

Các loại hình hoạt động đọc hiểu gắn liền với chức năng của từng hoạt động, vì vậy theo Pendaxn [5] có thể sắp xếp theo bốn loại chức năng: chức năng tìm hiểu-thăm dò, chức năng cấu trúc, chức năng tập luyện và chức năng đánh giá. Dựa vào quy trình học và các hoạt động trong lớp học của Pendaxn [5], chúng tôi xây dựng một kịch bản sư phạm dựa trên 4 hoạt động: hoạt động tiếp cận nghĩa, hoạt động phân tích, hoạt động vận dụng, hoạt động ghi nhớ và luyện tập. Mỗi loại hình hoạt động này gắn với nhiều nhiệm vụ khác nhau.

3.1. Hoạt động tiếp cận nghĩa

Bước này gồm nhiều hoạt động thúc đẩy việc tiếp nhận của sinh viên và việc làm quen, giúp xây dựng ý nghĩa của quảng cáo dựa trên việc xác định các dấu hiệu thích hợp về hình thức những thành tố khác nhau của quảng cáo. Hoạt động này gồm hai bước: nhận dạng loại hình văn bản quảng cáo nói chung và nhận dạng quảng cáo được khai thác để học tại lớp.

Nhiệm vụ 1, Tiếp cận với quảng cáo: Công việc mang tính chất giới thiệu này cần được thực hiện ngay trước khi đưa văn bản quảng cáo bằng tiếng Pháp vào để khai thác. Trước tiên cần phải giải thích rõ cho sinh viên bản chất của quảng cáo, sinh viên phải nắm rõ được từ vựng liên quan đến quảng cáo như khẩu hiệu, hình ảnh, logo...

Nhiệm vụ 2, Quan sát thành tố của văn bản quảng cáo và chủ đề: Sau khi nắm bắt được các kiến thức về văn bản quảng cáo như định nghĩa, tính chất, chức năng và thành tố..., sinh viên cần

phải xác định nhanh chóng các thành tố trong quảng cáo được đề cập đến bằng phương pháp đọc chọn lọc. Bước này là vận dụng lại các kiến thức đã học trong bước một về xác định các thành tố quảng cáo.

3.2. Hoạt động phân tích nội dung hình ảnh

Có hai quan hệ ký hiệu thông thường là: quan hệ giữa ký hiệu tạo hình và ký hiệu hình ảnh, quan hệ giữa ký hiệu hình ảnh và ký hiệu ngôn ngữ. Chúng tôi đề xuất cách phân tích ký hiệu hình ảnh từ xuất phát điểm là phân tích hình ảnh thành nhiều thành tố nhỏ: thành tố hình ảnh (hình ảnh đại diện, hình nền), yếu tố bổ sung nhãn mác (kí hiệu, chữ kí).

Nhiệm vụ 3, Hiểu tổng thể về hình ảnh quảng cáo: Để hiểu được hình ảnh quảng cáo, chúng tôi đề xuất 3 bước nhỏ trong phân tích hình ảnh đó là: quan sát hình, xác định nghĩa và diễn giải.

Nhiệm vụ 4, Phân tích ký hiệu tạo hình: Phù hiệu không cung cấp thông tin nhưng giúp người đọc xác định được sản phẩm đang nói đến, gồm phù hiệu tượng hình, phù hiệu ký tự. Ngoài ra còn có 8 đơn vị: ký tự, hình thức, bố cục, khung, nền, hình ảnh, màu sắc, kết cấu, phạm vi. Trong đó màu là yếu tố quan trọng để hiểu được ý nghĩa hình ảnh.

3.3. Hoạt động phân tích nội dung ngôn ngữ

Chúng tôi chọn hoạt động phân tích nội dung ngôn ngữ sau hoạt động phân tích hình ảnh bởi vì hình ảnh bản thân nó rất đa nghĩa, tùy theo hiểu biết và nhận thức của người đọc mà có thể suy diễn theo nhiều nghĩa khác nhau. Vì thế, sau bước khai thác tổng quát về hình ảnh, phân tích ngôn ngữ chính là xác định lại nghĩa cụ thể trong ngữ cảnh theo đúng tinh thần của chức năng quảng cáo.

Nhiệm vụ 5, Phân tích văn bản quảng cáo

Ba yếu tố được xếp vào phần ngôn ngữ trong văn bản quảng cáo là tên gọi, câu khẩu hiệu và đoạn văn chú thích.

-*Phân phân tích tên gọi:* tên gọi là phần nêu tên người gửi hoặc là người tạo ra sản phẩm, có thể là tên người hoặc tên công ty. Các hoạt động gắn liền với tên gọi là phát hiện thuật ngữ mới, từ tượng thanh, từ ghép, từ viết tắt...

-*Phân tích câu khẩu hiệu:* một số hoạt động có thể khai thác là từ vựng, cú pháp và tu từ. Hoạt

động phân tích từ vựng là các thuật ngữ bao hàm chỉ sản phẩm, danh từ chung, thuật ngữ chuyên ngành, tính từ chỉ sự khoa trương. Hoạt động phân tích ngữ nghĩa gồm đồng nghĩa, trái nghĩa, nghĩa bao trùm, nghĩa bộ phận. Hoạt động phân tích cấu trúc, cú pháp có thể nhận thấy ở tất cả các cấp độ cấu trúc từ từ đến cụm từ, câu, văn bản. Hoạt động phân tích các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhân hóa...

-Phân tích phần chú thích: là phần dài nhất trong văn bản quảng cáo thể hiện sự liên kết văn bản rất rõ ràng, là yếu tố giúp người đọc hiểu chi tiết các thông tin trong quảng cáo. Từ phần chú thích có thể xây dựng hai loại hình hoạt động: xác định loại hình văn bản (kể chuyện, miêu tả, lập luận, ...) và xác định loại lập luận và nội dung lập luận.

Nhiệm vụ 6: Mối quan hệ giữa hình ảnh và chữ viết

Hình ảnh và chữ viết có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hình ảnh và ngôn từ bổ sung cho nhau để tạo nên nghĩa chính của quảng cáo. Hoạt động so sánh giữa 3 yếu tố: tên gọi và hình ảnh, câu khẩu hiệu và hình ảnh, đoạn chú thích và hình ảnh được xem là hiệu quả nhất.

3.4. Hoạt động đánh giá

Mục đích của hoạt động này là sử dụng những kiến thức đã tích lũy được để tổng hợp lại và đưa ra ý nghĩa chung

Nhiệm vụ 7, Diễn giải: các bước trên đã khai thác hình ảnh và ngôn từ một cách riêng rẽ, trong bước diễn giải này chúng tôi xây dựng hoạt động kết hợp của các bước trên để hiểu được ý đồ của tác giả.

Nhiệm vụ 8, Đánh giá và sáng tạo: Bước cuối cùng này nhằm đánh giá lại mức độ hiểu của sinh viên về quảng cáo vừa học, đồng thời yêu cầu sinh viên soạn một quảng cáo về một sản phẩm nào đó gần gũi với sản phẩm vừa được học. Đọc hiểu theo nhóm là hoạt động gắn liền với với hoạt động viết và nói, vì vậy hoạt động đánh giá và sáng tạo có thể thực hiện dưới dạng nói hoặc viết.

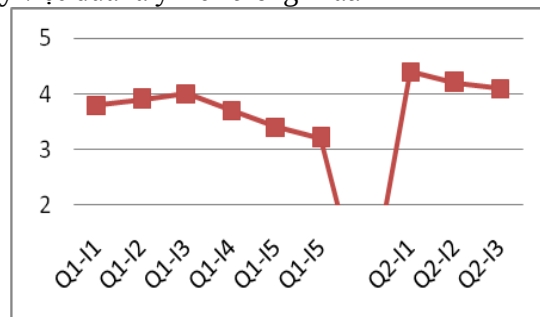
4. Đánh giá mô hình hoạt động được xây dựng theo phương pháp dạy học theo nhiệm vụ

4.1. Kết quả đánh giá mô hình hoạt động được thiết kế

Để đánh giá hiệu quả của các hoạt động giảng dạy đọc hiểu theo hướng tiếp cận hành động, chúng tôi thiết kế bảng hỏi dành cho giảng viên. Bảng hỏi này nhằm thăm dò ý kiến và suy nghĩ của người dạy về đề xuất các hoạt động giảng dạy thông qua việc quan sát và phân tích mô hình sư phạm mà chúng tôi đã xây dựng.

Đối tượng tham gia điều tra là 15 giảng viên khoa tiếng Pháp của trường Đại học Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng.

Bảng câu hỏi gồm 2 câu, nội dung câu hỏi liên quan đến xây dựng hoạt động dạy đọc hiểu văn bản quảng cáo, Câu hỏi 1 (Q1) gồm sáu chỉ báo (I1-I6) nhằm đánh giá các hoạt động văn hóa, hoạt động ngôn ngữ, hoạt động phi ngôn ngữ, hoạt động sáng tạo, hoạt động theo chủ đề, hoạt động giải trí được ưu tiên trong bài giảng được thiết kế, Câu hỏi số 2 (Q2) gồm ba chỉ báo (Q1-Q3) nhằm đánh giá hiệu quả của các loại hoạt động: thúc đẩy khả năng tư duy sáng tạo của người học, thúc đẩy hoạt động theo nhóm, thúc đẩy việc đưa ra ý kiến thống nhất.



Biểu đồ đánh giá của giáo viên về các hoạt động đọc

Phân tích biểu đồ trên, kịch bản đã ưu tiên cho các hoạt động liên văn hóa (Q1-I2), hoạt động ngôn ngữ (Q2-I2), hoạt động phi ngôn ngữ, hoạt động sáng tạo và hoạt động trò chơi. Bốn hoạt động đầu được đánh giá khá tốt, cụ thể là: hoạt động liên văn hóa-liên văn hóa (Q1-I1), 67,7% ở mức điểm 5, 12,9% ở mức điểm 4, hoạt động ngôn ngữ (Q2-I2) 67,7% ở mức điểm 5, 5,29% ở mức điểm 4, hoạt động phi ngôn ngữ gắn với hình ảnh (Q1-I3) và nghệ thuật tạo hình (Q1-I4) 90,3% ở mức điểm 5 và 6,5% ở mức điểm 4, hoạt động sáng tạo (Q1-I5) 87,1% ở mức 5, 5,97% ở mức điểm 4. Hoạt động trò chơi (Q1-I6) không được đánh giá vì không xuất hiện trong kịch bản.

Theo phương pháp hành động các loại hoạt động nhằm đến tình thần góp ý, tính sáng tạo, trao đổi nhóm, đưa ra tập thể các ý kiến các nhân. Tất cả các ý nói trên đều nhận được nhiều ý kiến tán thành của giáo viên trong khi đọc kịch bản và kết quả thu được là 97% đồng ý ở mức điểm 4.5 cho việc thúc đẩy tư duy sáng tạo (Q2-I1) của người học, 87,8% ở điểm 4 cho việc thúc đẩy hoạt động nhóm (Q2-I2), 80,2% điểm 5 thống nhất việc đưa ra ý kiến thống nhất (Q3-I3).

4.2. Hàm ý sự phạm

Các loại hình hoạt động mà chúng tôi thiết kế gắn với chức năng các hoạt động lên lớp và được chia thành 4 loại:

1) Hoạt động tiếp cận và tìm hiểu: Trong loại hoạt động này, sinh viên cần phải nắm vững những mục tiêu đề ra.

2) Hoạt động phân tích kiến thức chung về quảng cáo, chức năng và thành tố quảng cáo. So sánh đối chiếu quảng cáo Pháp và Việt Nam là một trong những hoạt động phân tích hình ảnh được khai thác theo trình tự sau: thống kê theo chủ quan những yếu tố của hình ảnh còn được hiểu là tìm hiểu nghĩa đen. Để thực hiện điều này, cần làm rõ: nguồn gốc và đích của hình ảnh, miêu tả chủ thể: nhân vật, vật, trang trí, phân tích các thành tố khác nhau của tạo hình và làm rõ các hiệu ứng tương tác và yếu tố chủ đạo: kết cấu, bố cục, khổ ảnh..., thứ tự các yếu tố tạo nên trang quảng cáo, hình thức, màu sắc, chất liệu, kiểu chữ. Diễn giải và đưa ra nghĩa bóng. Trong bước này cũng cần chú trọng hai yếu tố văn hóa và liên văn hóa.

3) Hoạt động vận dụng: Các loại hoạt động được xây dựng trên 3 lĩnh vực chính của ngôn ngữ: từ vựng, cú pháp và tu từ. Các loại từ vựng thường gặp là danh từ riêng, tính từ chỉ đặc tính, tính chất, so sánh. Động từ và trạng từ ít xuất hiện trong quảng cáo. Các cấu trúc động từ, các hình thức phát ngôn, cấu trúc danh từ là những cấu trúc nổi trội. Các loại câu thường gặp là câu nghi vấn, khẳng định, mệnh lệnh.

4) Hoạt động đánh giá: Được thực hiện bởi cả 2 chủ thể: giáo viên và sinh viên. Mục tiêu của hoạt động này là tìm nghĩa cuối cùng của quảng cáo và những thái độ của cá nhân đối với quảng cáo được học được thực hiện thông qua việc soạn

quảng cáo mới dựa trên các kiến thức mới được học và tích lũy.

5. Kết luận

Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ là một phương pháp được đánh giá là mang lại hiệu quả cao trong giảng dạy ngoại ngữ hiện nay. Lợi ích của phương pháp là giúp người học nâng cao kỹ năng tư duy và sáng tạo, kỹ năng trao đổi làm việc nhóm, kỹ năng đưa ra ý kiến cá nhân và lấy ý kiến tập thể, đóng góp cá nhân vào tập thể... Để thực hiện phương pháp này, giáo viên cần hiểu rõ toàn bộ tiến trình giảng dạy, về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, tổ chức, đánh giá... chứ không phải chỉ liên quan đến phương pháp dạy và học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Conseil de l'Europe (2002), *Guide pour l'utilisateur*, pp.260.
2. Conseil de l'Europe (2002), *Le cadre européen commun de référence pour les langues*, Éducation et langues
3. Grare C. (2007), "L'exploitation pédagogique d'un texte publicitaire", IA-IPR de Lettres.
4. Circurel F. (2009), "La problématique du document authentique dans le cadre du programme de langue B du Baccalauréat", *Edu FLE.Net*
5. Pendanx M. (1990), *Nouvelle introduction à la didactique du français langue étrangère*, CLE International, Paris.
6. Piotrowski S. (2006), « Les tâches en classe de langue étrangère », *Synergies Pologne n° 7 – 2010*, pp. 107-118.
7. Richer J.J. (2009), *L'approche actionnelle dans l'enseignement des langues*, Editions Maison des langues.
8. RAUCENT B., VANDER BORGHT C. Être enseignant: Magister? Metteur en scène? Bruxelles:Édition De Boeck Université
9. ROBERT, J.-P. Dictionnaire pratique de didactique du FLE. Lassay-les-Châteaux
10. Rosen E. (2009), "Perspective actionnelle et l'approche par les tâches en classe de langue", *Le français dans le monde* n°45, CLE International.
11. Vigner G. (1984), *L'exercice en classe de français*, Hachette (coll. F).
12. Vigner G. (1979), *Lire du texte au sens: élément pour un enseignement de la lecture*, CLE International, Paris.